

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 670/UBND-NN

Bắc Giang, ngày 13 tháng 3 năm 2017

V/v xử lý vi phạm pháp luật về  
đê điều, phòng chống thiên  
tai năm 2017

Kính gửi:

- Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công an tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Năm 2016, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của các cơ quan ban, ngành cũng như UBND các cấp nên công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về đê điều, phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh đã đạt được kết quả tích cực, toàn tỉnh đã xử lý được 243 trường hợp vi phạm. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm pháp luật về lĩnh vực đê điều và khai thác cát sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh vẫn diễn ra phức tạp, tính đến ngày 31/12/2016 tổng số vi phạm còn tồn đọng trên địa bàn toàn tỉnh là 2.833 trường hợp. Nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước và tăng cường hiệu lực thực thi Luật Đê điều, Luật Phòng chống thiên tai trên địa bàn, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát của UBND cấp huyện trong việc ngăn ngừa và xử lý vi phạm pháp luật về đê điều, khai thác cát, sỏi lòng sông; phân giao nhiệm vụ cụ thể, gắn trách nhiệm người đứng đầu các ngành, các cấp chính quyền trong công tác kiểm tra, ngăn chặn và kiên quyết xử lý triệt để vi phạm pháp luật về đê điều.

- Thành lập Ban chỉ đạo xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về đê điều và phòng, chống thiên tai cấp huyện, thành phố do Chủ tịch UBND huyện, thành phố làm trưởng ban, các thành viên gồm lãnh đạo các phòng, ban chức năng của huyện, cụ thể do Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định.

- Xây dựng kế hoạch xử lý toàn bộ các vi phạm về lĩnh vực đê điều, phòng, chống thiên tai trong phạm vi bảo vệ đê điều và trong hành lang thoát lũ trên địa bàn, kể cả các bến bãi nằm trong quy hoạch nhưng chưa được cấp phép và các bến bãi hoạt động không đúng theo cấp phép; đối với các trường hợp vi phạm sau khi Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ phải có quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. Trong đó, tổng số trường hợp vi phạm yêu cầu xử lý ngay trong năm 2017 là 209 trường hợp (127 trường hợp trong lĩnh vực đê điều; 82 trường hợp trong lĩnh vực bến bãi vật liệu năm ngoài quy hoạch). Thời gian thực hiện: xong trước 30/6/2017.

(Cụ thể có danh sách kèm theo)

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch kiểm tra, rà soát các hoạt động nạo vét luồng lạch, khai thác, tập kết cát, sỏi, quy hoạch bến bãi kinh doanh cát, sỏi và thăm dò khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn; xử lý các vi phạm trong hoạt động thăm dò, khai thác, nạo vét luồng lạch liên quan đến đê điều; kiên quyết giải tỏa, tham mưu, đề xuất để thu hồi những bến bãi đang hoạt động trái phép, không đủ điều kiện hoạt động theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng và chính quyền cấp xã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, thường xuyên kiểm tra để phát hiện sớm và kiên quyết xử lý triệt để các vi phạm mới phát sinh, không để tồn tại vi phạm mới, tái phạm; tăng cường công tác phối hợp để giải tỏa, xử lý dứt điểm các vi phạm pháp luật về đê điều, các vi phạm có quy mô lớn, phức tạp, kéo dài gây bức xúc trong dư luận; xử lý nghiêm các vụ tiếp tay hoặc làm ngơ của chính quyền đối với các hành vi lấn chiếm hành lang, phá hoại đê điều, khai thác cát sỏi lòng sông trái phép. Tổ chức vận động các hộ tự tháo dỡ, giải tỏa công trình vi phạm; tiến hành cưỡng chế, xử lý triệt để các trường hợp cố tình không tháo dỡ giải tỏa công trình vi phạm, thời gian xong trước 30/6/2017.

- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc để phát sinh các trường hợp vi phạm và không kiên quyết trong xử lý các trường hợp vi phạm. Tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm, tổng hợp kết quả gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 15/7/2017 để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh tăng cường kiểm tra, phát hiện, xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ; đồng thời thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 194/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của UBND tỉnh.

3. Các đồng chí thành viên Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn tỉnh theo địa bàn được phân công phụ trách kiểm tra, đôn đốc địa phương thực hiện nghiêm túc, xử lý triệt để các trường hợp vi phạm nêu trên.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các địa phương tổ chức thực hiện; tổng hợp kết quả báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 25/7/2017./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Lưu: VT, NN.Thăng.

Bản điện tử:

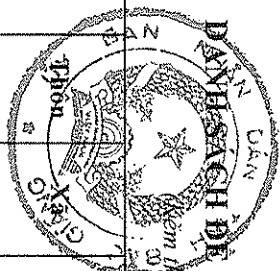
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PT-TH tỉnh;
- Chi cục Thủy lợi;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, NC, XD, TN, GT, TKCT.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

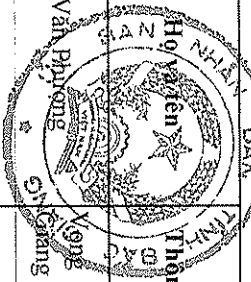


Đương Văn Thái

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ VI PHẠM LƯẬT ĐỀ ĐIỀU HUYỆN HIỆP HÒA NĂM 2017**  
 Kèm theo Công văn số **670** /UBND-NN ngày **13** /3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)



STT	Họ và tên	Vị Trí Km	Số TH	Hình thức vi phạm	Phía		Quy M6	Ghi chú		
					D	S				
1	Tuyến đề tả Cầu		27							
1	Nguyễn Văn Sinh	Ninh Tào	Hợp Thịnh	13+620	1	Đổ cột bê tông làm lán trại cách chân đề bên sông 9m.	x	Cách chân đề 9m	(4x2,5)m	
2	Ngô Văn Phó	Đông Đào	Hợp Thịnh	14+800	1	Dùng khung sắt lợp mái prôxi măng làm công trình phụ sát chân đề phía sông		sát chân đề	(18x6)m	
3	Nguyễn Văn Thoa	Đông Đào	Hợp Thịnh	15+050	1	Xây CTP cách chân cơ đề bên đồng 1,5m.	x	Cách chân cơ đề 1,5m	(5,8x4,6)m	
4	Nguyễn Văn Diễm	Đông Đào	Hợp Thịnh	15+150; 15+300	1	Xây tường bao bán khung sắt làm lều nuôi vịt cách chân cơ đề bên đồng 0,7m	x	Cách chân cơ 0,7m	(10x5)m	
5	Nguyễn Văn Bình	Đông Đào	Hợp Thịnh	15+450	1	Xây công trình phụ cách chân cơ đề bên đồng 1,5m	x	Cách chân cơ 1,5m	(3x3)m	
6	Nguyễn Văn Hưng	Xuân Giang	Mai Trung	18+150	1	Chất tải vật liệu (đất) trên mái đề phía sông, mở dốc xuống bãi.	x	Mái đề	(10x10)m	
7	Đào Xuân Ngọt	Xuân Biều	Xuân Cẩm	19+200	1	Chất tải vật liệu (đất đóng gạch) trên cơ đề phía sông.	x	Trên cơ	(30x3)m	
		Xuân Biều	Xuân Cẩm	19+200	1	Đào hố móng, dựng 02 cột điện loại HTTH 8.5A trên mái đề phía đồng và phía sông.		Mái đề	(1x0,8)m, sâu 0.8m	
8	La Văn Dũng	Cẩm Xuyên	Xuân Cẩm	20+870	1	Xây tường lán chiếm mái đề bên sông. BB lập đang xây tường cao 0,5m	x	Trên mái	Đài 6m	
9	Nguyễn Văn Chanh	Đông Công	Hương Lâm	24+290	1	Đổ đất tấp mặt bằng trên mái đề bên sông.	x	Trên mái	(15x40)m	
10	Nguyễn Văn Thông	Trần Sơn	Hương Lâm	24+570	1	Xây dựng công trình phụ lán chiếm mái đề và cơ đề bên sông	x	Mái đề và cơ đề	(7x12)m	
11	Âu Văn Thư (bố là Âu Văn Vinh)	Mai Trung	Mai Đình	29+000	1	Trồng cây lán chiếm mái đề cơ đề	x	Trên mái và cơ	(15x5)m	

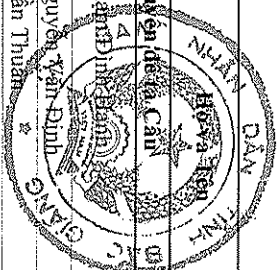
STT	Họ và tên thôn	Xã	Vị Trí Km	Số TH	Hình thức vi phạm	Phía		K/c so với đê	Quy Mô	Ghi chú
						D	S			
12	Chu Văn Phụng 	Mai Đình	29+560-/- 29+610	1	Chôn cột bê tông làm hàng rào dây thép gai trồng cây (chủi, gấc) trên cơ đê bên dòng.	x		Trên cơ đê	(50x28)m	
13	Nguyễn Văn Tường	Thắng Lợi	29+670-/- 29+710	1	Chôn cột bê tông làm hàng rào trồng cây trên cơ đê bên dòng.	x		Trên cơ đê	Dài 40m	
14	Nguyễn Đăng Sang	Mai Hà	30+500	1	Chôn cọc, quây rào trên mái cơ đê phía sông		x	Mái cơ	(60x10)m	
15	Nguyễn Duy Yên	Mai Hà	31+250	1	Xây nhà cấp 4 sát chân cơ đê phía dòng.	x		Sát chân cơ	(5x3)m	
16	Đào Bá Khu	Mai Hà	31+400	1	Xây tường rào trên mái cơ đê phía dòng			Trên cơ đê	Dài 20m	
17	Nguyễn Đắc Kỳ	Mai Hà	31+520	1	Xây tường rào trên mái cơ đê phía dòng			Trên mái cơ	Dài 15m	
18	Lê Tuấn Trương	Mai Hà	31+550	1	Xây tường rào trên mái cơ đê phía dòng			Trên mái cơ	Dài 10m	
19	Nguyễn Đình Biện	Mai Hà	31+600	1	Dựng cột sắt, bắn tôn làm công trình phụ trên cơ đê bên dòng.	x		Trên cơ	(8x4,5)m	
20	Lê Thị Trang (Con ông Đào Bá Long)	Mai Hà	32+250	1	Trồng hoa màu trên cơ đê bên sông			Trên cơ	Dài 50m	
21	Nguyễn Đắc Hiện	Mai Hà	32+300	1	Chôn cột bê tông làm hàng rào dây thép gai trồng cây ngắn ngày trên cơ đê bên sông.			Trên cơ	Dài 30m	
22	Đào Bá Đạo (Con trai là Đào Bá Tiên)	Mai Hà	32+250 -32+600	1	Chôn cột bê tông làm hàng rào, trồng cây trên cơ đê phía dòng (khu vực mới đắp đê năm 2013)	x		Trên cơ	Dài : 150m đọc theo đê	
23	Nguyễn Hữu Tông (cũ của Nguyễn Hữu Quân)	Mai Hà	32+600- 32+800	1	Quây cọc làm hàng rào, làm lều vị trên cơ đê khu vực cơ mới đắp 2013	x		Trên cơ	(3x5)m	

STT	Xã	Xã	Vị Trí Km	Số TH	Hình thức vi phạm	Phía		K/c so với đê	Quy M6	Ghi chú
						Đ	S			
24	Ngô Văn Hòa (châu Ngô Văn Hiệp)	Châu Minh	36+700	1	Đông cọc thép V, làm hàng rào dây thép gai, quây lưới nuôi vịt trên cơ đê bên đồng.	x		Trên cơ	(150x30)m	
25	Trần Văn Mưu	Đông Lỗ	39+350-39+520	1	Làm hàng rào, trồng cây trên mái và cơ đê bên đồng	x		Trên mái	Dài 170m	
26	Các hộ ven đê thôn Yên Ninh xã Đông Lỗ	Đông Lỗ	38+600-39+450	1	Cây rào, cây hoang dại, trên mái đê bên đồng và bên sông	x	x	Trên mái và cơ		
<b>II</b>	<b>Danh sách bên bãi</b>			<b>4</b>						
1	Ngô Văn Kha (châu Ngô Văn Hiệp)	Đại Mão	8+900-8+910	1	Mở bên bãi chất tải vật liệu (cát) sát chân đê bên sông	x		sát chân	100 m <sup>2</sup>	
2	Nguyễn Văn Dự	Đại Hội	13+120-13+130	1	Mở bên bãi chất tải vật liệu (cát) cách chân đê bên sông 3m	x		cách chân 3m	450 m <sup>2</sup>	
3	Nguyễn Văn Công	Ninh Tào	13+430-13+455	1	Mở bên bãi chất tải vật liệu (cát) cách chân đê bên sông 8m	x		cách chân 8m	300 m <sup>2</sup>	
4	Tạ Văn Đốc (Thuê lại một phần diện tích nhà ông Bàng)	Cấm Bảo	20+190-20+200	1	Mở bên bãi chất tải vật liệu (đá, sỏi), bên trung chuyên vật liệu	x		Sát chân	200 m <sup>2</sup>	
<b>Tổng cộng (I+II)</b>				<b>31</b>						

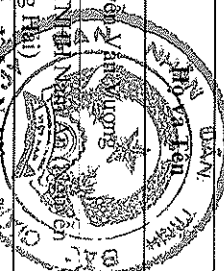


# DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ VI PHẠM LỤẬT ĐỀ ĐIỀU HUYỆN VIỆT YÊN NĂM 2017

(Kèm theo Công văn số 670/UBND-NN ngày 13/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)



TT	Tên đề nghị xử lý	Thôn xã	Vị trí (Km)	Số TH	Hình thức vi phạm	Phía		K/C so với đề		Quy mô vi phạm	Ghi chú
						D	S	<5m	>5m		
I	Tuyến đê (a, Cầu)			4							
1	Phản Đỉnh Bãi Bả	Tiên Sơn	41+125	1	Xây tường, trụ công		X	X		Dài 18m, trụ KT (0.55x0.55x3.0)m	
2	Nguyễn Xuân Đình	Quang Châu	57+380	1	Xây tường		X	X		(8x1)m, dày 0.22m	
3	Trần Thuận	Quang Châu	54+700	1	Xây tường		X	X		(19x1.0x0.1)m	
4	Cây Viêt Đức	Quang Châu	54+750	1	Xây tường bao		X	X		(50x0.8), dày 0.1m	
II	Danh sách bến bãi			14							
1	Hoàng Bá Khai	Tiên Sơn	40+200-40+328	1	Bãi VL cách chân đê PS 5m	X			X	(128x30)m	
2	Tạ Đình Tuyên	Tiên Sơn	40+328-40+438	1	Bãi VL cách chân đê PS 7m	X			X	(110x45)m	
3	Vương Văn Khoa	Tiên Sơn	40+440-40+470	1	Bãi than cách chân đê PS 12m	X			X	(30x15)m	
4	Đặng Văn Năm	Tiên Sơn	40+580-40+615	1	Bến bãi	X			X	(35x45)m	
5	Tạ Đình Tôn	Tiên Sơn	40+615-40+670	1	Bãi VL cách chân đê PS 12m	X			X	(55x40)m	
6	Ngô Thế Đăng	Tiên Sơn	47+400-47+450	1	Bãi VL sát chân đê PS	X		X		(35x20)m	
7	Nguyễn Tiên Song	Ninh Sơn	50+950-51+000	1	Bãi VL sát chân đê PS	X		X		(50x45)m	
8	Nguyễn Tiên Bang	Quang Châu	52+860-52+900	1	Bãi VL cách chân đê PS 7m	X			X	(40x40)m	
9	Cty TNHH DV & TM Hoàng Ninh (Nguyễn Thị Ngoan)	Quang Châu	54+515-54+565	1	Bãi VL sát chân đê PS	X		X		(45x190)m	
10	Nguyễn Hữu Đại và Nguyễn Hữu Thăng	Quang Châu	52+900-53+050	1	Bãi VL cách chân đê PS 10m	X			X	(150x33)m	
11	Nguyễn Văn Cường	Quang Châu	58+000-58+180	1	Bãi VL cách chân đê PS 10m	X			X	(180x50)m	
12	Nguyễn Văn Hành	Quang Châu	58+150-58+280	1	Bãi VL sát chân đê PS	X			X	(130x40)m	



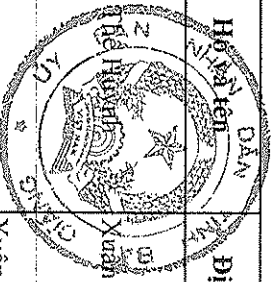
TT	Thôn xã	Vị trí (Km)	Số TH	Hình thức vi phạm	Phía		K/C so với đê		Quy mô vi phạm	Chi chú
					Đ	S	<5m	>5m		
13	Nguyễn Văn Lương	58+375-58+525	1	Bãi VL sát chân đê PS	x		x		(150x100)m	
14	Cty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thương mại (Trọng Hải)	58+525-58+675	1	Bãi VL sát chân đê PS	x		x		(150x100)m	
III	Tuyên đề Bãi Nghiên		3							
1	Nguyễn Thanh Tâm	3+900	1	Đắp bờ ao		x		x	(120x7,5x2,5)m	
2	Nguyễn Văn Giang	7+300	2	Tàn đất bãi sông		x		x	(40x14x3)m	
		7+200		Đắp bờ ao (lân cao)	x			x	(250x2x0,5)m	
<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>			<b>21</b>							

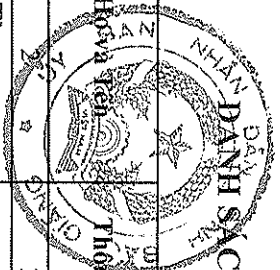
**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ VI PHẠM LƯẬT ĐỀ DIỀU HUYỆN YÊN DŨNG NĂM 2017**  
(Kèm theo Công văn số 670 /UBND-NN ngày 13 /3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Vị trí (Km)	Số TH	Hình thức vi phạm	Phía		Quy mô	Chi chú
						Đ	S		
1	Đê Hữu Thường BT			33					
1	Nguyễn Văn Liệu	Đức Giang	7+640	1	Trồng cây làm hàng rào; trồng cây lâu năm.	x		Dài 25 m, 3 cây keo	
2	Nguyễn Hữu Thành	Đức Giang	7+670	1	Trồng cây làm hàng rào.	x		Dài 20 m	
3	Nguyễn Văn Múc	Đức Giang	7+700	1	Xây tường rào	x		Dài 20 m, 01 bụi tre	
4	Đào Văn Trường	Đức Giang	7+730	1	Trồng cây làm hàng rào.	x		Dài 20 m	
5	Nguyễn Thị Huệ	Đức Giang	7+780	1	Trồng cây làm hàng rào; trồng cây lâu năm.	x		Dài 30 m, 5 cây keo	
6	Đặng Văn Là	Đức Giang	7+810	1	Trồng cây làm hàng rào; trồng cây lâu năm.	x		Dài 25 m, 20 cây keo + bạch đàn	
7	Nguyễn Văn Trinh	Đức Giang	7+850	1	Trồng cây làm hàng rào.	x		Dài 20 m, 02 bụi tre	
8	Nguyễn Hữu Luyện	Đức Giang	7+900	1	Trồng cây làm hàng rào; trồng cây lâu năm.	x		Dài 40 m, 14 cây Sưa, Xoan	
9	Nguyễn Văn Thế	Đức Giang	7+950	1	Trồng cây làm hàng rào; trồng cây lâu năm.	x		Dài 40 m, 12 cây Sưa, Xoan, Keo	
10	Nguyễn Hữu Cán	Đức Giang	7+980	1	Xây tường rào; Trồng cây làm hàng rào.	x		Dài 25 m, cao 1 m.	
11	Nguyễn Đình Thanh	Đức Giang	8+010	1	Trồng cây làm hàng rào; trồng cây lâu năm.	x		Dài 20 m, 3 cây ăn quả, 01 bụi tre	
12	Nguyễn Văn Thêu	Đức Giang	8+030	1	Xây tường rào	x		Dài 15 m, cao 1,5m	
13	Dương Văn Đạo	Đức Giang	8+050	1	Xây công trình phụ; Trồng cây làm hàng rào.	x		1,5x2m; dài 15 m, 01 bụi tre	
14	Lê Thế Phong	Đức Giang	8+070	1	Xây tường rào	x		Dài 12 m, 3 bụi chuối	
15	Đặng Văn Cường	Đức Giang	8+100	1	Xây công trình phụ; Trồng cây làm hàng rào.	x		1,5x1,5m; dài 15 m.	
16	Đặng Văn thông	Đức Giang	8+120	1	Trồng cây làm hàng rào.	x		Dài 10 m, 02 bụi tre	
17	Nguyễn Văn Hà	Đức Giang	8+140	1	Trồng cây làm hàng rào.	x		Dài 10 m,	
18	Đặng Văn Đăng	Đức Giang	8+170	1	Xây tường rào	x		Dài 20 m,	
19	Lê Văn Thu	Đức Giang	8+190	1	Trồng cây làm hàng rào.	x		Dài 10 m,	
20	Lê Thị Ó	Đức Giang	8+220	1	Trồng cây làm hàng rào.	x		Dài 20 m,	
21	Lê Văn Sáu	Đức Giang	8+245	1	Xây tường rào; Trồng cây làm hàng rào.	x		Dài 10m, cao 1,5 m.	
22	Nguyễn Văn Cường	Đức Giang	8+270	1	Xây tường rào; Trồng cây làm hàng rào.	x		Dài 20 m, cao 1,5m.	
23	Nguyễn Văn Quê	Đức Giang	8+300	1	Xây tường rào; trồng cây lâu năm.	x		Dài 20 m, 5 cây Keo.	
24	Đặng Văn Là	Đức Giang	8+360	1	Trồng cây làm hàng rào; trồng cây lâu năm.	x		Dài 50 m, 6 cây Keo.	
25	Trần Văn Định	Đức Giang	8+390	1	Xây công trình phụ, cổng, tường rào	x		2,5x2m; dài 15m.	



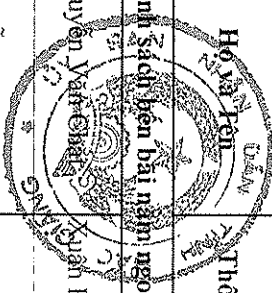
STT	Họ và tên ĐAN	Địa chỉ	Vị trí (Km)	Số TH	Hình thức vi phạm	Phía		Quy mô	Ghi chú
						Đ	S		
26	Đặng Văn Đào	Đức Giang	8+440	1	Xây công trình phụ.	x		2,5x30m.	
27	Nguyễn Hữu Phú	Đức Giang	8+450	1	Xây tường rào	x		Dài 6m, cao 1,2 m.	
28	Nguyễn Hữu Thành	Đức Giang	8+480	1	Xây công trình phụ, cổng, tường rào	x		15x3m; dài 5m, 04 bụi chuối.	
29	Nguyễn Văn Hoàn	Đức Giang	8+500	1	Xây công trình phụ.	x		1,5x10m; 06 bụi chuối.	
30	Đặng Văn Dương	Đức Giang	8+500	1	Trồng cây làm hàng rào; trồng cây lâu năm.	x		Dài 15 m, 03 bụi chuối, 01 bụi tre	
31	Lê Văn Vạn	Đức Giang	8+520	1	Xây công trình phụ; Trồng cây làm hàng rào.	x		2,5x5m; dài 15 m.	
32	Lê Văn Đạt	Đức Giang	8+550	1	Xây công trình phụ; Trồng cây làm hàng rào.	x		1,5x2m; dài 12 m, 08 bụi chuối	
33	Nguyễn Hữu Tuấn	Đức Giang	8+570	1	Xây tường rào; trồng cây lâu năm.	x		Dài 25 m, 9 cây bạch đàn	
<b>II Đề tá Cầu BT</b>						4			
1	Phạm Văn Hưng	Đông Phúc	20+100	1	Chôn cột bê tông làm hàng rào sát mặt đê	x			
2	Nguyễn Văn Nam	Yên Lư	5+100	1	Trồng cây lâu năm trên mái đê	x			
3	Dương Văn Phi	Yên Lư	4+050	1	Xây tường rào trên cơ đê	x		Dài 30m, cao 0,5m	
<b>III Danh sách bốn bãi nằm ngoài quy hoạch</b>						32			
<b>a Đề tá Thương</b>						15			
1	Nguyễn Duy Sỹ	Hương Gián	16+950-17+050	1	Chất tải VL cách chân đê 10m cao trung bình 2,0m, 01 mố cầu	x		2900 m2	
			17+650-17+710	2	Chất tải VL ở bãi sông cao trung bình 2,0m. Xây 03 trụ cầu	x		3000 m2	
			17+780-17+800	1	Chất tải VL cách chân đê 5m cao trung bình 1,0m.	x		300 m2	
2	Nguyễn Duy Chiến	Hương Gián	17+710-17+735	1	Chất tải VL ở bãi sông cao trung bình 2,0m.	x		500 m2	
			17+750-17+780	1	Chất tải VL ở bãi sông cao tb 2,0m.	x		600 m2	
3	Nguyễn Duy Vinh	Hương Gián	17+700-17+730	1	Chất tải VL ở mái đê phía đông	x		50 m2	
			18+030-18+050	1	Chất tải VL ở bãi sông cao trung bình 4,0m.	x		200 m2	
4	Hồ Năng Cường	Hương Gián	17+950-18+020	1	Chất tải VL, chưa tháo dỡ trụ cầu	x		2800 m2	
5	Lương Ngọc Hải	Xuân Phú	19+950-20+050	1	Chất tải vật liệu	x		2250 m2	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Vị trí (Km)	Số TH	Hình thức vi phạm	Phía		Quy mô	Ghi chú
						D	S		
6	Phan Kế Hoàng 	Xuân Phú	20+420- 20+460 20+700- 20+750	1	Chất tải VLXD		x	1200m <sup>2</sup>	
7	Nguyễn Hữu Sinh	Xuân Phú	21+570- 21+670	1	Chất tải VL, cao tb 2m		x	7000 m <sup>2</sup>	
8	Lương Đình Thành	Xuân Phú	21+380- 21+426 21+670- 21+750	1	Chất tải VL, cao tb 2m		x	1840 m <sup>2</sup>	
<b>b</b>	<b>Đề tài Cầu BT</b>			<b>14</b>					
1	Công ty Minh Hà	Nham Sơn	8+300- 8+360	3	- Chất tải VL cách chân đê 200m - Nhà tạm cách chân đê 250m. - 01 trụ cầu sắt mép sông.		x	2400 m <sup>2</sup>	
2	Nguy Phan Bích	TT Neo	8+400	3	- Chất tải VL ở bãi sông trái phép, cao tb 2m - Nhà tạm cách chân đê 200m. - 01 trụ cầu sắt mép sông.		x	7500 m <sup>2</sup>	
3	Nguyễn Ngọc Tú	Nham Sơn	9+200- 9+270	3	- Chất tải VL ở bãi sông trái phép, cao tb 2m - Nhà tạm cách chân đê 80m. - 01 trụ cầu sắt mép sông.		x	1750 m <sup>2</sup>	
4	Dương Thị Mai	Nham Sơn	9+350- 9+370	1	- Chất tải VL ở bãi sông trái phép, cao tb 2m		x	400 m <sup>2</sup>	
5	Nguy Đình Tâm	Tư Mai	13+500- 13+560	2	- Chất tải VL sắt chân đê. - 01 nhà tạm cách chân đê 5m.		x	2400 m <sup>2</sup>	
6	Nguyễn Văn Mạnh	Tư Mai	15+200- 15+280	2	- Chất tải VL cao tb 4m sắt chân đê - 01 trụ cầu sắt mép sông		x	2000 m <sup>2</sup>	
<b>c</b>	<b>Đề hữu Thương BT</b>			<b>3</b>					
1	Nguyễn Thị Tư (Lại Thị Thơm)	Trần Dũng	5+800- 5+860	3	- Chất tải VL sắt chân đê. - 01 nhà tạm cách chân đê 15m. - 01 trụ cầu sắt mép sông.			1200 m <sup>2</sup>	
<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>				<b>69</b>					



**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ VI PHẠM LƯẬT ĐỀ ĐIỀU HUYỆN LẠNG GIANG NĂM 2017**  
(Kèm theo Công văn số 670 /UBND-NN ngày 13 /3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên Thôn - xã	Vị trí Km	Số TH	Hình thức vi phạm	Phía			K/C so với MC đê		Quy mô vi phạm	Ghi Chú
					Đ	S	S	<5M	>5M		
I	<b>Đề tá Thương</b>		12								
1	Nguyễn Văn Chất	Phúc Mãn - Xuân Hương	2+900	3	Lấn Nhà tạm Bãi vật liệu	X X X	X X X	Chân đê  Sắt chân	 12m (30x15) m (20x10x1)m	(4x4) m (3,5x3) m (30x15) m (20x10x1)m	
2	Đào Văn Khu	Xóm Lê-Xuân Hương	4+830	1	Mái vẩy	X	X	mái	(12 x 3) m		
3	Nguyễn Văn Bằng	Phúc Mãn - Xuân Hương	4+050	3	Bãi VL (cay BT) Nhà tạm Nhà tạm	X X X	X X X	mái, chân  Chân đê	(30x12)m (9x5)m (5x3,5)m		
4	Nguyễn Văn Tâm	Xóm Lê-Xuân Hương	1+750	1	Xây dựng CTP	X	X	2m	(7,5x2,8)m		
5	Nguyễn Thế Thuận	Phúc Mãn - Xuân Hương	3+020	4	Công trình phụ Công trình phụ Tường, làm sân Tường rào	X X X X	X X X X	4m chân đê chân, mái 3	(4,4 x 2,4)m (8x4x1)m ( 5 x 5)m 28m		
II	<b>Đề tá Thương Dương Đức</b>		3								
6	Bùi Thị Huệ	Đông Than - Dương Đức	6+560	1	San lấp bãi sông, chất tải cát	X	X		15m	Dài 40m; rộng 40m; cao TB (0,5- :-0,7)m	
7	Bùi Văn Nam	Thương - Dương Đức	2+100	1	Tường chắn đất	X	X	X	2x(5x0,7x0,33)m; (8,4x0,7x0,33)m		
8	Lương Văn Bộ	Đông Than - Dương Đức	4+200	1	Xây dựng công trình	X	X	sắt, chân	(10x7,5)m		

TT	Họ và Tên	Thôn - xã	Vị trí Km	Số TH	Hình thức vi phạm	Phía		K/C so với MC đề		Quy mô vi phạm	Ghi Chú
						D	S	<5M	>5M		
											
III	Danh sách liên bãi nhận ngoài quy hoạch										
1	Nguyễn Văn Hùng	Kiến Hương	2+902-2+930	1	Bãi sản xuất cây BT sắt chân đề PS		X	X		450m <sup>2</sup>	
2	Nguyễn Văn Bằng	Xuân Hương	4+050-4+080	1	Bãi sản xuất cây BT sắt chân đề PS		X	X		360m <sup>2</sup>	
3	Bùi Thọ An	Mỹ Hà	đề bồi Mỹ Hà	1	Bãi cắt mép đề phía đông và PS	X	X	X		1500m <sup>2</sup>	
4	Nghiêm Văn Thơ	Mỹ Hà	đề bồi Mỹ Hà	1	Bãi cắt sắt mép đề phía đông		X	X		375m <sup>2</sup>	
5	Nghiêm Xuân Thống	Mỹ Hà	đề bồi Mỹ Hà	1	Bãi cắt sắt mép đề phía sông	X	X	X		1250m <sup>2</sup>	
6	Nguyễn Văn Vỹ	Mỹ Hà	đề bồi Mỹ Hà	1	Bãi cắt sắt mép đề phía sông	X	X	X		1400m <sup>2</sup>	
7	Nguyễn Trọng Nghĩa	Mỹ Hà	đề bồi Mỹ Hà	1	Bãi cắt sắt mép đề phía sông	X	X			3000m <sup>2</sup>	
8	Nguyễn Thị Hồng (Hà)	Dương Đức	5+450-5+470	1	Bãi cắt cách mép đề 10m	X				200m <sup>2</sup>	
9	Trần Văn Ngọc	Dương Đức	5+650-5+670	1	Bãi sản xuất cây BT sắt mép đề	X	X			300m <sup>2</sup>	
10	Trần Văn Nam	Dương Đức	5+700-5+740	1	Bãi cắt cách mép đề 30m	X	X			800m <sup>2</sup>	
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III)</b>				<b>25</b>							

Ngoài ra đề nghị xử lý các mái che, mái vẩy, cây cối tại các vị trí đề qua khu dân cư và xử lý rác thải dọc theo các tuyến đề.

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ VI PHẠM LUẬT ĐỀ DIỀU HUYỆN TÂN YÊN NĂM 2017**  
*Kèm theo Công văn số 670 /UBND-NN ngày 13 /3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh*



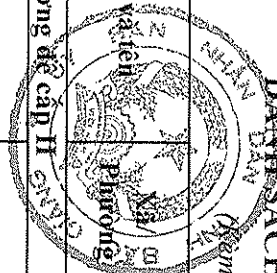
STT	Họ và tên	Số thửa	Vị Trí (Km)	Xã	Hình thức vi phạm	Phía		Khoảng cách so với chân đê		Quy mô vi phạm	Ghi chú
						Đ	S	<5m	>5m		
<b>I Tuyên đê hữu thưởng</b>											
1	Nguyễn Văn Hồng	1	4+350	Hợp Đức	Xây công trình phụ	x		3m		(7,5x4)m	
2	Nguyễn Văn Tuyết	1	5+380	nt	Nhà cấp 4		x	2		DT:32m2	
3	Nguyễn Văn Quyền	1	8+000	Liên Chung	Nhà tạm		x	1,4m		(3,4x5)m	
4	Nguyễn Văn Dân	1	9+970	Liên Chung	Nhà cấp 4	x		2,5m		(6,6x4,5)m	
5	Nguyễn Quý Thoan	1	10+200	Liên Chung	Xây công trình phụ	x		sát chân đê		DT: 37m2	
6	Hà Văn Đào	1	14+700	nt	Công trình phụ		x	Mái đê		DT:30m2	
7	Vũ Văn Chương	2	14+900	nt	Nhà cấp 4		x	Chân đê		DT:30m2	
				nt	Công trình phụ		x	Chân đê		DT:10m2	
				Việt Lập	Quan bán hàng	x		Chân đê		(4,9x3,5)m	
8	Giáp Văn Đoàn	2	17+880	Việt Lập	Công trình phụ		x	Chân đê		DT:24m2	
9	Nguyễn Văn Huân	1	29+700	Quốc Nham	Trồng cây			Mái cơ đê		Dài 200m	
<b>II Danh sách bên bãi</b>											
1	Nghiêm Văn Quang	1	4+260-4+290	Hợp Đức	Chất tải cát vào chân đê PS		x	Chân đê		1590m2	
2	Nguyễn Văn Hồng	1	4+500-4+594	Hợp Đức	Chất tải cát vào chân đê PS		x	Chân đê		2820m2	
3	Nguyễn Văn Cường	1	4+950-5+023	Hợp Đức	Chất tải cát vào chân đê PS		x	Chân đê		1095m2	
4	Cty TNHH Thu Nhâm	1	5+023-5+123	Hợp Đức	Chất tải cát vào bãi sông		x	Chân đê		2500m2	
5	Nguyễn Văn Cường	1	5+218-5+269	Hợp Đức	Chất tải cát vào mái, chân đê PS		x	Mái đê		969m2	

STT	Họ và Tên	Số Hộ	Vị Trí (Km)	Xã	Hình thức vi phạm	Phía		Khoảng cách so với chân đê		Quy mô vi phạm	Ghi chú
						D	S	<5m	>5m		
6	Trần Văn Hoạt	1	5+269-5+317	Hợp Đức	Chất tải cát vào mái, chân đê PS		x	Mái đê		1248m <sup>2</sup>	
7	Nguyễn Văn Cường	1	5+359-5+422	Hợp Đức	Chất tải cát vào mái, chân đê PD		x	Mái đê		3213m <sup>2</sup>	
			5+367-5+407	Hợp Đức	Chất tải cát vào mái, chân đê PS		x	Mái đê		480m <sup>2</sup>	
			5+407-5+481	Hợp Đức	Chất tải cát vào mái, mái đê PS		x	Mái đê		1110m <sup>2</sup>	
9	Vũ Thị Thủy	1	5+499-5+559	Hợp Đức	Chất tải cát vào mái, mái đê PS		x	Mái đê		1080m <sup>2</sup>	
			5+639-5+670	Hợp Đức	Chất tải cát vào mái, chân đê PD	x		Mái đê		961m <sup>2</sup>	
10	Bùi Văn Bình	1	10+180-10+200	Liên Chung	Chất tải cát vào mái, chân đê PS		x	Mái đê		300m <sup>2</sup>	
<b>Tổng cộng (I+II)</b>		<b>23</b>									



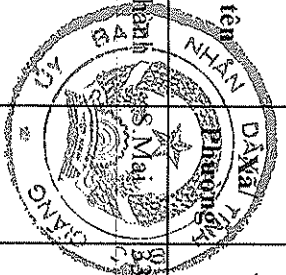
**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ VI PHẠM LƯỢT ĐỀ ĐIỀU THÀNH PHỐ BẮC GIANG NĂM 2017**

*(Xem theo Công văn số 670 /UBND-NN ngày 13/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)*



TT	Họ và tên Số nhà/ Phường	Vị trí Km	Số TH	Hình thức vi phạm	Phía		K/c so với mc đê		Quy mô vi phạm	Ghi chú
					Đ	S	<5m	>5m		
I	Tả Thương đê cấp II		9							
1	Công ty CP Cảng Hà Bắc	Trần Phú	1	Chôn hàng rào khung sắt ở mặt đê		x	Mặt, chân đê, bãi sông		Dài 200m*rộng 60m	
2	Chợ Tiền Môn	Lê Lợi	1	Lấn tạm lấn chiếm mái đê, hợp chợ lấn chiếm mặt,	x		Mặt, mái đê		Dài 50m dọc theo đê	
3	Nguyễn Thị Huệ	Tân Tiến	1	Đổ bê tông		x	Mái đê		(10x5)x0,5	
			1	Xây tường hoa		x	Cách mặt đê 1,3m		(4,4x0,8)x0,22	
4	Nguyễn Văn Nội	Tân Tiến	1	Xây quán bán hàng		x	Mái đê		(8,1x7,1)m cao 2,3m.	
5	Đào Thị Loan	Tân Tiến	1	Xây tường bao		x	Sắt mái đê		5x0,2x1,2	
6	Dương Văn Chung	Tân Tiến	1	Xây quán bán hàng		x	Cách mép đê 1,6m - 2,1m		13m2	
7	Dương Văn Liên	Tân Tiến	1	Xây tường bao			Sắt mái đê		15x0,2x0,3	
8	Dương Văn Huyền	Tân Tiến	1	Tường rào		x	Cách mép bê tông 2m		(8x0,22)x1,5	
<b>II Hữu Thương đê cấp III</b>				<b>10</b>						
1	Đào Ngọc Tuấn	S.Mai	1	Tường rào	x		Mái đê		(30x1,6)m	
2	Lê Thị Hà	S.Mai	1	Xây tường bao		x	Sắt chân đê		(2,07x0,28)x0,85	
			4	Chôn cột bê tông		x	C.chân 3-5m		Chiều dài 346m	
				Trồng cây lâu năm		x		B.sông	53 cây	
				Xây dựng công trình nhà thị đầu		x	C.chân 5m		(19x13x9)m	
				Xây công trình phụ		x		7m	(1,8m*1,8m*2,7m)	

TT	Họ và tên	Vị trí Km	Số TH	Hình thức vi phạm	Phía		K/c so với mc đê		Quy mô vi phạm	Ghi chú
					Đ	S	<5m	>5m		
3	Trần Văn Thanh S. Mai 48 48	33+000	1	Móng công trình	x		Chân cơ đê		(18x4,5)x1m	
4	Nguyễn Văn Long	S. Mai 34+150	2	- Xây 02 trụ công - Dựng hàng rào bằng bê tông đúc sẵn	x		Mái đê HLBVD		* KT (0,45x0,45x2)m cao 2,25m x 02 trụ + T1: dài 5,25m; cao 1,55m dọc đê + T2: dài 5,25m; cao 7,1m dọc đê + T3: dài 15m; cao 1,55- 1,75m vuông với đê	
5	Trịnh Văn Hoàn	Đồng Sơn 38+110	1	Chôn cột làm quán	x		Mái đê		(6,3x5,8)m; cao 2,5-3m.	
<b>III</b>										
<b>Danh sách bên bãi</b>										
<b>a</b>										
1	Công ty CP Cảng Hà Bắc tại Bắc Giang (Cảng Á Lữ)	Trần Phú 10+300	1	Chất thải vật liệu ở chân đê, bãi sông	x		Mặt, chân đê, bãi sông		Cát vàng 500m <sup>3</sup> , cát đen 100m <sup>3</sup> , sỏi 150m <sup>3</sup>	
2	Nguyễn Văn Tâm	Tân Tiến 13+000	1	Chất thải vật liệu	x		Mái đê, chân đê, hành lang đê		Cát vàng 350m <sup>3</sup> , sỏi cuội 100m <sup>3</sup> , cát đen 200m <sup>3</sup>	
<b>b</b>										
<b>Đê hữu Thương</b>										
1	Đình Văn Hải	Đồng Sơn 42+300	1	Chất thải vật liệu	x		Sát chân đê		Dài 50m* rộng 30m	
<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>			<b>22</b>							





**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ VI PHẠM LUẬT ĐỀ DIỀU HUYỆN LỤC NAM NĂM 2017**  
(Kèm theo Công văn số 670 /UBND-NN ngày 13 /3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Vị trí (Km)	Số TH	Hình thức vi phạm	Quy mô	PD	PS	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tuyên đề huyện Lục Nam</b>			<b>11</b>					
1	Đặng Sơn Hùng	Tiền Hưng	0+680	1	Tự ý đổ đất tôn BVL	Dài 30m, rộng 50m		X	
2	An Văn Thanh	Tiền Hưng	0+700	1	Đổ đất tôn tạo lấn chiếm bãi sông	(20x20x1)m		X	
3	Lương Ngọc Lung	Bắc Lũng	7+600	1	Xây nhà tạm để chăn nuôi	(6x3x2)m		X	
4	Lương Ngọc Vinh	Bắc Lũng	8+050	1	Chôn cột BT làm hàng rào dây thép	(80x1,2)m		X	
5	Nguyễn Đức Chiến	Bắc Lũng	9+000	2	Đắp đất lên mái để làm dốc Đào 04 rãnh thoát nước sát chân đê	(15x3.5)m (25x1.5x0.5)m x 04 rãnh		X	
6	Nguyễn Văn Hương	Tiền Hưng	1+630	1	Đổ cấp đất lên mái để đổ BT làm dốc	(10x3)m		X	
7	Nguyễn Văn Trọng	Yên Sơn	12+300	1	Xây tường cày cách chân đê 1,5m	(10x1,5)m	X		
8	Tăng Văn Tuyên	Yên Sơn	14+420 - 14+700	3	Đắp đất lên mái kê làm dốc, đóng cừ gỗ, đổ đất sát bờ sông làm mố cầu, đào rãnh thoát nước			X	
<b>II</b>	<b>Danh sách bên bãi nằm ngoài quy hoạch</b>			<b>7</b>					
1	Nguyễn Văn Huy	Tiền Hưng	0+320- 0+345	1	Tập kết VL cày sát chân đê.	675m <sup>2</sup>		X	đất số đỏ
2	Trần Thị Huyền	Tiền Hưng	0+550- 0+570	1	Tập kết VL than sát chân đê	500m <sup>2</sup>		X	
3	Trần Văn Tuyên	Tiền Hưng	0+570- 0+600	1	Tập kết VL than sát chân đê	750 m <sup>2</sup>		X	
4	Lê Quang Hải	Tiền Hưng	1+350- 1+395	1	Tập kết VL than sát công Khuyến	900 m <sup>2</sup>	X		
5	Nguyễn Duy Sự	Bắc Lũng	10+200- 10+230	2	- Tập kết VL cách chân đê 7m cao tb 1,5m. - 01 nhà tạm.	600 m <sup>2</sup>		X	
6	Giáp Văn Hữu	Yên Sơn	13+800- 13+862	1	Tập kết VL cách chân đê 20m cao tb (2-:-3)m	1860 m <sup>2</sup>		X	
<b>Tổng cộng (I+II)</b>				<b>18</b>					